

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 10-8-2018

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Ông Mai Thanh Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Kim Yên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 249/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 8, xã K, huyện P, tỉnh Đ

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai
(Chị L có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu N chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2010

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu, cờ bạc và sử dụng vũ lực với chị, không quan tâm chăm sóc gia đình. Đến năm 2015 chị và

anh N chính thức ly thân, trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ.

Nay chị L cương quyết xin ly hôn anh N vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Y – sinh ngày 20/4/2011. Chị L xin nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

**** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2018, bị đơn anh Nguyễn Hữu N trình bày:***

Anh và chị Phạm Thị L đăng ký kết hôn tại UBND xã P năm 2010

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng năm 2015 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng tính cách, thường xuyên cãi vã. Khoảng năm 2015 vợ chồng gây gỗ cãi vã, chị L giận nên chuyển ra ngoài sinh sống cho đến nay. Anh chị chính thức ly thân, trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ.

Nay chị L xin ly hôn, anh đồng ý

Về con chung: Anh và chị L chung sống có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Y – sinh ngày 20/4/2011. Nếu ly hôn, anh N đồng ý giao cháu Y cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị L được ly hôn anh N, giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn chị Phạm Thị L nộp đơn đúng trình tự thủ tục, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hữu N, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2/ Về tư cách đương sự:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn là chị Phạm Thị L; bị đơn anh Nguyễn Hữu N. Anh N đang bị áp

dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai và có ý kiến xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt anh N.

3/ Xét yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Hữu N chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị L cương quyết xin ly hôn anh N và khai nại không còn tình cảm vợ chồng với anh N, thời gian ly thân đã lâu vợ chồng không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ, anh N cũng đồng ý ly hôn với chị L nhưng anh đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai nên không đến Tòa, do đó không thể ghi nhận cho anh chị thuận tình ly hôn mà xét xử cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp quy định pháp luật

- Về con chung: Anh chị chung sống có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Y – sinh ngày 20/4/2011. Chị L có nguyện vọng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai, anh N nêu ý kiến đồng ý giao cháu Y cho chị L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, do anh chị đã thống nhất ý kiến giao cháu Y cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con, việc thỏa thuận trên không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh N khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do đó, chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu N về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”.

Tuyên xử:

Cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu N

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nghĩa giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Y – sinh ngày 20/4/2011 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom,

chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 003582 ngày xx/mm/yyyy của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch (chị L đã nộp xong).

Báo các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKS, THADS, TAT;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thúc